TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SƠN DƯƠNG** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **18**/2020/HS-ST
Ngày 18/03/2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN DƯƠNG - TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Tuấn Linh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Sơn Hải

2. Ông Phạm Văn Vượng

- Thư ký phiên toà: Bà Hà Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Thành Thụy - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sơn Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 20/2020/TLST-HS, ngày 28 tháng 02 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đào Văn H, sinh ngày 25/4/1982 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 03/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Đào Văn Đ (đã chết) và bà Trần Thị S, sinh năm 1945; Vợ: Ma Thị H, sinh năm 1983; Con: có 03 con, lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: Không;

- Nhân thân: + Bản án số 19/2009/HSST ngày 22/6/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 06 năm tù về tội lưu hành tiền giả, phải thi hành khoản án phí HSST 50.000 đồng, tịch thu sung quỹ nhà nước 53.700.000 đồng; án phí dân sự trong vụ án hình sự 2.585.000 đồng. Ngày 25/7/2011, Đào Văn H đã chấp hành xong các khoản trên. Ngày 30/8/2011, chấp hành xong toàn bộ bản án (do được đặc xá)

+ Bản án số 17/2012/HSST ngày 28/02/2012 của Tòa án nhân dân huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang xử phạt 03 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, phải thi hành 200.000 đồng án phí HSST, ngày 20/4/2012, Đào Văn H đã chấp hành xong. Ngày 16/10/2014, chấp hành xong toàn bộ bản án.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 07/01/2020 đến nay, hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Tuyên Quang (Có mặt).

2. Lê Văn T, sinh ngày 21/11/1992 tại huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Lê Văn B, sinh năm 1968 và bà Đào Thị N, sinh năm 1973; Vợ: Bùi Thị Lan A, sinh năm 1996; Con: có 02 con, lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không.

Hiện bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú. (có mặt).

**** Người bị hại:*** Bà Nông Thị H, sinh năm 1965; trú tại: Thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Có mặt);

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*** Bà Phùng Thị N, sinh năm 1978; trú tại: Thôn T, xã T, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 01/01/2020, Đào Văn H, sinh năm 1982, trú tại thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Wave S màu đen, không rõ biển kiểm soát đến nhà Lê Văn T, sinh năm 1992, trú cùng thôn với H (H là cậu của T) rủ T đi uống nước, T đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, H và T đi về, khi đi qua cổng nhà bà Nông Thị H, sinh năm 1965 (cùng thôn Đ) thấy nhà bà H không khóa cổng, tắt điện, H nảy sinh ý định trộm cắp và bảo T đứng ngoài cảnh giới để H vào trong nhà trộm cắp tài sản, T đồng ý. H mở cổng đi vào phía chuồng gà nhà bà H trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu sơn đỏ - đen-bạc, biển kiểm soát 22S1-049.65 (chìa khóa xe cắm ở ổ khóa điện, trong cốp xe có 01 đăng ký xe mô tô Honda Wave S, biển số 22S1- 049.65, 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự đều mang tên bà Nông Thị H) và 01 con gà trống màu lông đỏ, trọng lượng khoảng 03 kg, đang ngủ trên yên xe. H dắt chiếc xe mô tô trên ra vị trí T đứng cảnh giới, và nói với T *"Tao lấy được xe rồi, đi về đi",* sau đó T điều khiển xe mô tô của H đi trước, H điều khiển xe mô tô trộm cắp được đi sau và đặt con gà ở phần giá xe phía trước, trên đường về, H làm sổng con gà trộm cắp. Sau khi T cất xe của H, H điều khiển xe trộm cắp chở T cùng đi bán cho chị Phùng Thị N, sinh năm 1978, trú tại thôn T, xã T, huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên được 4.200.000 đồng (khi mua xe chị N không biết xe mô tô do H và T trộm cắp mà có). Số tiền bán xe được H chia cho T 1.700.000 đồng, số tiền còn lại H đã chi tiêu cá nhân hết. Đối với 01 giấy phép lái xe mô tô, 01 giấy chứng minh nhân dân đều mang tên bà Nông Thị H, Đào Văn H đã vứt trên đường sang huyện Định Hóa, tỉnh Thái Nguyên không xác định được địa điểm.

Tại kết luận định giá số 02/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 06/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương. Kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave S, màu sơn đỏ - đen- bạc, biển kiểm soát 22S1-049.65 tính đến thời điểm tháng 01/2020 trị giá 5.250.000 đồng *(Năm triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Tại kết luận định giá số 07/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 22/01/2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Sơn Dương. Kết luận: 01 con gà trống màu lông đỏ, trọng lượng 03kg tại thời điểm bị trộm cắp ngày 01/01/2020 trị giá 360.000 đồng *(Ba trăm sáu mươi ngàn đồng)*.

Tổng cộng: **5.610.000** đồng *(Năm triệu sáu trăm mười ngàn đồng)*.

Tại Cáo trạng số 21/CT-VKSSD, ngày 25/02/2020 Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố: Đào Văn H, Lê Văn T về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Kết thúc phần xét hỏi, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo Đào Văn H, Lê Văn T theo tội danh, điều luật đã nêu trong Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX): Tuyên bố các bị cáo Đào Văn H, Lê Văn T phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Đào Văn H từ 09 (chín) tháng đến 12 (mười hai) tháng tù.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Lê Văn T từ 06 (sáu) tháng đến 09 (chín) tháng tù.

Ngoài ra, Đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử lý vật chứng, trách nhiệm bồi thường dân sự, buộc các bị cáo phải chịu án phí và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của Kiểm sát viên. Các bị cáo nói lời sau cùng, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Tại phiên tòa bị hại trình bày: trước khi mở phiên tòa các bị cáo đã bồi thường cho bị hại 2.000.000 đồng, bao gồm chi phí làm lại giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân và 01 con gà bị trộm cắp. Bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm và không có ý kiến tranh luận gì đối với luận tội của Viện kiểm sát, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung vụ án:

Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo Đào Văn H, Lê Văn T đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp nội dung cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Sơn Dương truy tố. Hành vi phạm tội của các bị cáo còn được chứng minh bằng biên bản khám nghiệm hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng toàn bộ các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 22 giờ ngày 01/01/2020, tại gia đình bà Nông Thị H, trú tại thôn Đ, xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang. Đào Văn H, sinh năm 1982 và Lê Văn T, sinh năm 1992 (ở cùng thôn Đ), có hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ, đen, bạc, biển kiểm soát 22S1-049.65 và 01 con gà trống lông màu đỏ, trọng lượng khoảng 03 kg. Tổng giá trị tài sản trộm cắp là 5.610.000

đồng của bà Nông Thị H. Trong đó Đào Văn H là người rủ rê, trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, Lê Văn T là người cảnh giới.

Hành vi của các bị cáo Đào Văn H, Lê Văn T đã phạm vào tội: *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Với mục đích vụ lợi các bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác. Hành vi của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội, gây mất an ninh trật tự tại địa phương và trực tiếp xâm phạm vào quyền sở hữu đối với tài sản của người khác. Vì vậy cần phải có mức án tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo, giáo dục đối với các bị cáo đồng thời phòng ngừa tội phạm chung.

[2] Vai trò của các bị cáo trong vụ án này thể hiện là đồng phạm giản đơn, không có tổ chức, không có sự bàn bạc, phân công nhau khi thực hiện hành vi phạm tội.

Trong đó, bị cáo Đào Văn H là người khởi xướng, rủ bị cáo T đi trộm cắp tài sản, bị cáo là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp. Bị cáo Lê Văn T là người giúp sức tích cực, cảnh giới và trực tiếp tiêu thụ tài sản trộm cắp. Xét vai trò, tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi thì bị cáo H có vai trò cao hơn bị cáo T. Nên cần xử phạt bị cáo H mức án cao hơn bị cáo T.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có, tuy nhiên bị cáo H là người có nhân thân xấu, đã hai lần bị xét xử.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường và bồi hoàn thiệt hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo T phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bị cáo có bà nội Hà Thị N tham gia dân công hỏa tuyến. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

Do bị cáo Lê Văn T có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú ổn định rõ ràng, có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự. Để thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước, Hội đồng xét xử thấy không cần buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù giam, mà cho bị cáo hưởng án treo, đồng thời ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện Sơn Dương nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách là phù hợp.

Xét các bị cáo đều không có tài sản gì riêng có giá trị nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung (phạt tiền) đối với các bị cáo.

[4] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử:

Qua xem xét, nghiên cứu hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định: Quá trình điều tra và truy tố, xét xử, Điều tra viên, Kiểm sát viên đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự và các văn bản pháp luật có liên quan. Khởi tố, điều tra, thu thập chứng cứ, truy tố đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật. Các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Trước khi mở phiên tòa các bị cáo và bị hại đã tự thỏa thuận về việc bồi thường với tổng số tiền là 2.000.000đ (Hai triệu đồng). Việc bồi thường đã hoàn thành trước khi mở phiên tòa nên HĐXX không xem xét, giải quyết trong vụ án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phùng Thị N đã được các bị cáo bồi hoàn số tiền 4.200.000 đồng, bà N không yêu cầu gì thêm nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[6] Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an huyện Sơn Dương đã tạm giữ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave S, màu sơn đỏ - đen - bạc, BKS 22S1-049.65, 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy, 01 giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự mang tên Nông Thị H. Ngày 16/01/2020, đã trả lại chiếc xe mô tô và giấy tờ kèm theo cho bà H là chủ sở hữu nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 1.700.000 đồng (thu giữ của Lê Văn T) cần tuyên trả lại cho bị cáo nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí và quyền kháng cáo bản án: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và tuyên quyền kháng cáo cho các bị cáo, những người tham gia tố tụng khác theo quy định của pháp luật.

[8] Các vấn đề khác: Đối với bà Phùng Thị N khi mua xe mô tô của T và H không biết nguồn gốc tài sản là do trộm cắp mà có không có căn cứ xử lý nên HĐXX không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

I. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đào Văn H, Lê Văn T phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

II. Về áp dụng điều luật và hình phạt:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 58 Bộ luật hình sự.

1. Xử phạt: Bị cáo **Đào Văn H 07 (bảy)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam 07/01/2020.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s, i khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 58 Bộ luật hình sự.

2. Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn T 06 (sáu)** tháng tù cho hưởng án treo, thử thách **01 (một)** năm. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (18/3/2020).

Giao bị cáo Lê Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã P, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang nơi bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật Thi hành án hình sự.

III. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho bị cáo Lê Văn T số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) nhưng giữ lại để đảm bảo thi hành án.

(Số tiền trên đã được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Sơn Dương chuyển vào tài khoản số: 3949.0.1064844.00000 là tài khoản của Chi cục thi hành án Dân sự huyện Sơn Dương mở tại Kho bạc Nhà nước huyện Sơn Dương ngày 02/3/2020)

IV. Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án:

Mỗi bị cáo Đào Văn H, Lê Văn T phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(đã ký)

Lê Tuấn Linh

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Bị hại; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND huyện Sơn Dương;
- Công an huyện Sơn Dương;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Trại tạm giam CA tỉnh TQ;
- Chi cục T.H.A DS huyện Sơn Dương;
- UBND xã P;
- Lưu.